

LE BOUDDHA EST EN NOUS

Le roi Trần Thái Tông (1225-1277) consulta un bonze dans la montagne :

朕方幼穉 劇喪雙親
孤立士民之上 無所依附
復思前代帝王事業 興廢不常
故入此山惟求作佛 不求他物

Encore tout jeune, j'ai subi le deuil de mes père et mère.
Orphelin, on m'a placé au dessus des lettrés et du peuple,
Je suis sans appui.

Et je pense aux œuvres des souverains précédents, aux essors et déclins inconstants.
C'est pourquoi je viens dans cette montagne, seulement pour chercher le Bouddha,
Et rien d'autre.

Trẫm đương trẻ thơ, mẹ cha vội mất,
Trơ vơ đứng trên dân chúng, không chỗ tựa nương ;
lại nghĩ sự nghiệp các đế vương thuở trước, thay đổi bất thường,
cho nên tìm đến núi này chỉ muốn được thành Phật,
chứ không cầu gì khác.

Le bonze aurait répondu :

山本無佛
惟存乎心
心寂而知
是名真佛
今陛下若悟此心
則立地成佛
無苦外求也

Les montagnes en elles-mêmes n'ont pas de bouddha,
Il demeure seulement dans l'esprit*.
Si l'esprit accède à la quiétude, il devient capable de la plus large connaissance.
C'est cela qu'on peut vraiment appeler bouddha.
Si votre majesté [connaît] l'éveil spirituel,
Immédiatement elle deviendra bouddha.
Ne vous mettez pas en peine d'aller chercher ailleurs.

Trong núi vốn không có Phật, Phật ở ngay trong lòng.
Lòng lặng lẽ mà hiểu, đó chính là chân Phật.
Nay nếu bệ hạ giác ngộ, điều đó thì lập tức thành Phật.
Không cần khô công tìm kiếm bên ngoài.

Traduction en vietnamien par Nguyễn Đức Vân et Trần thị Băng Thanh, TVLT II/1. p. 25 et 28.
Extrait de Tựa Thiền Tông Chi Nam 禪宗指南 [Préface de La Boussole du Bouddhisme de l'Intuition]
* L'esprit (ou le cœur) : *tâm*. Voir ci-dessous notice (137), p 175.



Nguyễn TRÍ BẢO 智寶
(? – 1190)

IMPORTANCE DU MAÎTRE

Il demandait d'où vient la naissance, où va la mort ? Le maître Đạo Huệ répondit que la vraie nature était mystérieuse, qu'elle était en mouvement par elle-même, et n'avait rien à voir avec la naissance ni avec la mort ; qu'on pouvait donc dire que la naissance venait de nulle part et que la mort allait nulle part. Il comprit et remercia :

不因風捲浮雲儘
爭見青天萬里秋

Sans le vent pour enrouler les nuages jusqu'au dernier,
Comment voir un grand ciel bleu en automne ?

Không nhờ gió cuốn sạch mây mù,
Sao thấy trời xanh muôn dặm thu ?

Puis répondant à Đạo Huệ qui lui demandait ce qu'il voyait :

相識滿天下
知音能幾人

On peut connaître le monde entier,
Mais combien de personnes peut-on connaître intimement ?

Quen biết khắp gầm trời,
Tri âm nào mấy ai ?

TUTA p. 31b.8, traduction en vietnamien par Nguyễn Huệ Chi : Cảm tạ thiền sư Đạo Huệ.
[Remerciements au maître de l'Intuition Đạo Huệ] TVLT p. 518.
Extrait cité par Quách Thanh Tâm.
Voir ci-dessous notice (111-112), p. 169.



Lý Càn Đức NHÂN TÔNG 仁宗
(1066 – 1128)

HOMMAGE AUX DEUX SAGESSES

Le roi fut dérangé dans la conversation par le bruit désagréable de deux geckos.
Il dit au sage taoïste Thông Huyền 通玄 [Intelligence du Mystère] de les chasser.
Celui-ci récita une incantation, l'un tomba.
L'autre, dit-il au bouddhiste Giác Hải 覺海 [Océan de l'Eveil], je vous le laisse.
Giác Hải fixa son regard sur le gecko, il tomba. Etonné, le roi fit ce compliment,
jouant sur les caractères des 2 noms :

覺海心如海
通玄道又玄
神通兼變化
一佛一神僊

L'esprit de Giác Hải est comme l'océan immense,
Et la voie de Thông Huyền pénètre le mystère.
Pouvoirs surnaturels et magie,
Bouddha et immortel.

Giác Hải lòng như biển,
Thông Huyền đạo rất huyền.
Thần thông kiêm biến hóa,
Một Phật, một thần tiên

TUTA p. 35a.4, traduction en vietnamien par Phạm Trọng Điềm :

Khen thiền sư Giác Hải và đạo nhân Thông Huyền

[Félicitation au maître de l'intuition Giác Hải et au maître taoïste Thông Huyền],

titre donné par Lê Quý Đôn. TVLT p. 434.

Voir ci-dessous notice (77), p. 156



Kiêu TRÍ HUYỀN 智玄 et Từ Lộ ĐẠO HẠNH 道行
(? – 1117)

LA VOIE DE L'ÉVEIL

Từ Lộ cherchait l'Éveil (63) :

久 混 凡 塵 未 識 金
不 智 何 處 是 真 心
愿 垂 指 的 開 方 便
了 見 如 如 斷 苦 尋

Je vis péniblement depuis longtemps dans ce monde de poussière
sans discerner ce qui est de l'or.
Je ne sais pas où se trouve le pur esprit.
Je désire vraiment qu'un enseignement me montre le but
et me révèle les moyens de l'atteindre,
Pour voir clairement la vraie nature des choses et la fin de la souffrance.

Lăn lóc tìm châu giữa bụi đời,
'Chân tâm' nào đã thấy tẩm hơi !
Dám mong chỉ lối, giùm phương tiện,
Nhìn rõ 'như như', khổ hận vui.

Traduction par Nguyễn Huệ Chi : Hòi Kiều Trí Huyền
[Question au maître KTH] TVLT, p. 346

Le maître Trí Huyền lui répondit (60) :

玉 裏 秘 聲 演 妙 音
個 中 滿 目 露 禪 心
河 沙 境 是 菩 提 道
擬 向 菩 提 隔 萬 尋

Le son mystérieux émanant du jade propage une musique merveilleuse,
C'est en elle que se produit l'intuition.
La voie de l'éveil est dans chaque grain de sable du fleuve,
Mais si on cherche cet éveil, il faut dix mille pas.

Minh ngọc vang đưa tiếng ảo huyền,
Ở trong vẫn lộ tâm lòng Thiền.
Cát sông là cõi bồ đề đó,
Mà tưởng còn xa mấy dặm nghìn

Traduction en vietnamien par Ngô Tất Tố, TVLT p. 342 ; et VHDL, p. 70



Rộn vang minh ngọc, âm huyền diệu,
Phơi rõ lòng Thiền, ngọc mắt trông.
Khắp cõi hà sa đâu cũng Phật,
Mà như tới Phật, cách muôn trùng

TUTA p.54b.5, traduction en vietnamien par Nguyễn Huệ Chi :
Trả lời Từ Đạo Hạnh hỏi về chân tâm
[Réponse à Từ Đạo Hạnh sur le pur esprit] TVLT p. 342.
Voir ci-dessous notice (60 et 63), p. 150

Dương KHÔNG LỘ 空路
(? – 1119)

RÉPONSE IMPLICITE

Un disciple impatient lui remet une requête (73) :

鍛煉身心始得清
森森直幹對虛庭
有人來問空王法
身坐屏邊影襲形

En exerçant le corps et l'esprit, on accède à la pureté,
Comme l'arbre bien droit et touffu devant la cour déserte.
Quelqu'un vient poser des questions sur la loi du [Bouddha] Roi du Vide,
Il est assis à côté du mur, l'ombre dessine sa forme.

Rèn luyện thân tâm thấy sạch trong,
Thông xanh sừng sững trước sân không.
Có người tới hỏi không vương pháp,
Thân tựa bình phong chiếc bóng lồng.

Traduction en vietnamien par Đỗ Văn Hỷ :
Trình thầy [A l'adresse d'un maître] TVLT, p. 387

Không Lộ répondit : Tu m'apportes des livres et je les reçois, tu me donnes de l'eau et je la bois,
pourquoi dis-tu que je ne te transmets pas l'essence de l'esprit (心要 *tâm yếu*) ?
Il rit bruyamment et dit (71) :

選得龍蛇地可居
野情終日樂無餘
有時直上孤峰頂
長嘯一聲寒太虛

J'ai choisi une terre de dragon et de serpent propice à ma demeure.
L'amour de la campagne, de la nature me réjouit toute la journée.
Parfois je gravis tout droit un sommet isolé
Je pousse un long cri qui fait frissonner le grand espace.

Kiểu đất long xà chọn được nơi,
Tĩnh quê lai láng chẳng hề vơi.
Có khi xông thẳng lên đầu núi,
Một tiếng kêu vang, lạnh cả trời.

TUTA p. 25b.3, traduction en vietnamien par Kiều Thu Hoạch :
Tò nởi cảm hoài [Enthousiasme]
TVLT p. 385. Extrait cité par Quách Thanh Tâm. Voir ci-dessous notice (71 et 73), p. 155



Ngô TỊNH KHÔNG 净空
(1091 - 1170)

ENSEIGNEMENT

一日會眾說偈云

上無片瓦遮
下無卓錫地
或易服直詣
或策杖而至
動轉觸處間
似龍躍吞餌

僧問
從上直指為什麼

師云
日日去穫禾
時時空倉廩

僧云
某甲不會

師云
日月長明
浮雲蓋蔭

有說偈曰
智人無悟道
悟道即愚人
伸脚高卧客
奚識偽兼真

問
如何是佛

師云
日月麗天含億刹
誰知雲霧洛山河

進云
如何會得

師云
牧童祇慣卧牛背
土有英雄跨得伊

問
祖意與教意是同是別

師云
萬里梯航皆朝闕

問
和尚有奇特事
如何不向學人說

師云
汝吹火。我著米。汝乞食。我取鉢。誰辜負汝。
僧開悟

Un livre des moines Bouddhistes

Un jour, il réunit ses disciples et dit :

Au dessus, pas une tuile pour abri,
Au dessous, pas un point où planter une aiguille.
Ou bien on change d’habit et on vient directement,
Ou bien on n’arrive qu’après avoir pris le bâton de moine.
Mais quand on touche au terme du voyage,
On est comme comme le dragon qui bondit sur un appât.

Un bonze demanda :
Maître, qu’est-ce que cela signifie ?

Il répondit :
Tous les jours on va récolter du riz,
mais le grenier est toujours vide.

[Le bonze] dit :
Je n’ai pas encore compris.
Le maître dit :
Le soleil et la lune brillent toujours,
mais les nuages flottant peuvent les cacher.

Il prononça cette autre stance :
Il y a des gens intelligents qui ne découvrent pas la voie,
Il y en a qui la découvrent et qui sont ignorants.
En ceux qui reposent jambes étendues,
Comment discerner le vrai et le faux ?

On demanda :
Qu’est ce que bouddha ?
Le maître répondit :
Le soleil et la lune dans le ciel brillent pour des millions de mondes
Mais qui comprend la brume qui tombe sur les montagnes et les rivières ?

Question :
Comment comprendre ?
Le maître dit :
Le petit pâtre a l’habitude de se coucher sur le dos d’un buffle
Il ne pense pas que quelqu’un de très fort puisse sauter par dessus lui*.

Question :
Les idées des Écoles et des patriarches sont-elles semblables ou différentes ?
Le maître dit :
Escalader des montagnes ou franchir les mers sur dix mille lieues,
De toute façon on va à la porte du palais royal.

Question :
Maître, vous avez des connaissances extraordinaires, pourquoi ne pas nous en parler ?
Le maître dit :
Vous soufflez sur le feu, je vous prépare du riz. Vous demandez à manger, je prends des bols.
Qui vous déçoit ? Les bonzes commencèrent à comprendre

Một hôm, sư hội họp học trò lại, đọc bài kệ rằng :

Trên không viên ngói lợp,
Dưới không đất cắm dùi.
Người cải dạng đến học,
Kẻ chống gậy vào chơi.
Khi chuyển động tiếp xúc,
Như rồng nhảy nuốt mồi.

Một thầy tăng hỏi :

Những lời chỉ giáo của thầy có nghĩa là gì ?

Sư đáp :

Ngày ngày gặt lúa trên đồng,
kho đụn vẫn thường không có gì.

Tăng thưa :

Đệ tử chưa hiểu.

Sư nói :

Vàng nhật nguyệt bao giờ cũng sáng,
Mảnh phù vân thấp thoáng che đi.

Có kệ rằng :

Người khôn không ngộ đạo,
Ngộ đạo, kẻ ngu si.
Anh đuổi chân năm khềnh,
Thật giả cần biết chi !

Hỏi :

Thế nào là Phật ?

Sư đáp :

Nắng tỏa, trăng soi triệu cõi đời,
Ai ngờ sông núi mọc mưa rơi.

Tăng thưa :

Làm thế nào hiểu được ?

Sư đáp :

Quen cưỡi lưng trâu, chú mục đồng,
Ngự trên lưng chú, đất anh hùng.

Hỏi :

Tổ ý và giáo ý giống nhau hay khác nhau ?

Sư đáp :

Trèo non, vượt bể vạn dặm, đều hướng về cửa khuyết

Hỏi :

Thầy có việc đặc biệt kỳ lạ, sao không nói cho đệ tử biết ?

Sư đáp :

Người thổi lửa, ta làm gạo ; người xin ăn, ta lấy bát.

Ai phụ bạc người ?

Thầy tăng lĩnh ngộ



TUTA p. 28b.2, traduction en vietnamien par Trần thị Băng Thanh :

Một buổi họp mặt học trò [Réunion avec les disciples]

TVLT p. 480. Extrait cité par Quách Thanh Tâm. Voir ci-dessous notice (92), p. 161

* Thổ hữu anh hùng khóa đắc y, traduit selon la suggestion de M. Ngô Đức Thọ

Nguyễn GIÁC HẢI 覺海
(sous Lý Nhân Tông 1072 - 1127)

VAINES QUESTIONS

On lui demanda : de Bouddha et de tous les êtres, qui est l'hôte, qui est le visiteur ?
Il répondit :

丫角女頭白
報爾作者識
若問佛境界
龍門遭点額

Une jeune femme avait encore ses mèches d'enfant en forme de cornes,
mais sa tête était déjà blanche.
Disciples, je vous donne mon avis :
Si vous vous interrogez pour comprendre le monde du Bouddha,
[Vous serez comme les carpes qui n'ont pas pu passer les rapides de Long Men,
et qui au lieu de devenir dragons] se retrouvent seulement avec un point noir [sur la tête]

Ai biết má đào mà bạc tóc !
Khuyên người cầu học hiểu cho sâu.
Ví như cỡi Phật hoài công hỏi,
Cá vượt Long Môn bị điểm đầu.

TUTA p. 35a.11, traduction en vietnamien par Nguyễn Huệ Chi et Trần thị Băng Thanh :
Ai biết má đào mà bạc tóc
[Qui peut voir des cheveux blancs sur la tête d'une jeune fille ?] TVLT p. 444.
Voir ci-dessous notice (82), p. 156



Nguyễn KHÁNH HỖ 慶喜
(1067-1142)

VAINES QUESTIONS SUR LES FORMES ET LE VIDE

Un disciple lui demanda si, une fois bien compris les formes et le vide,
les formes devaient être considérées comme saintes ou vulgaires.

Il répondit :

勞生休問色兼空
學道無過訪祖宗
天外覓心難定體
人間植桂豈成叢
乾坤盡是毛頭上
日月包含芥子中
大用現前拳在手
誰知凡聖與西東

Cessez de vous fatiguer par des questions sur les formes et le vide,
Pour étudier la voie, il n'est rien de mieux qu'interroger les patriarches.

Si vous cherchez l'esprit par delà le ciel,
c'est difficile de vous concentrer sur sa nature.

Si vous plantez en ce monde un cannelier deviendra-t-il un bosquet ?

Tout le ciel et la terre tiennent au bout d'un cheveu,

Le soleil et la lune tiennent dans un grain de moutarde,

Le mouvement grandiose de l'univers apparaît à nos yeux comme le poing sur la main,

Alors à quoi servirait de savoir ce qui est saint et vulgaire, Est et Ouest ?

Kiếp trần khoan nói sắc cùng không,
Học đạo gì hơn hỏi tổ tông.
Tâm kiểu ngoài trời khôn định thể,
Quế trồng cõi tục há đằm bông.
Mây lông chứa cả kiền khôn rộng,
Hạt cải thu gồm nhật nguyệt trong.
Trước mắt nắm ngay công dụng lớn,
Ai hay phạm thánh với Tây Đông.

TUTA p. 62a.6, traduction en vietnamien par Đào Phương Bình :

Trả lời sư Pháp Dung hỏi về sắc, không, phạm, thánh

[Réponse à Pháp Dung sur la vulgarité ou la sainteté, sur les formes et le vide]

TVLT p. 459.

Voir ci-dessous notice (87), p. 159



Ngô Chân Lưu KHUÔNG VIỆT 匡越
(933 - 1011)

LE DÉBUT ET LA FIN

始終無物妙虛空
會得真如體自同

Au début et à la fin il n'y a rien,
c'est le vide mystérieux.
Si l'on a bien senti ce qu'est la réalité absolue,
on s'aperçoit que tous les organismes sont de même nature

Sau trước có gì đâu !
Hư không mới nhiệm màu
Chân như, bằng hiểu được,
Tâm thể, cũng như nhau.

TUTA p. 9a.10, traduction en vietnamien par Nguyễn Huệ Chi :
Thầy chung [Le début et la fin] TVLT p. 210.
Cité par Quách Thanh Tâm
Voir ci-dessous notice (7), p. 137.



Lê Thuần HIỆN QUANG 現光
(? – 1221)

AU-DELÀ DES ILLUSIONS

Il dit avant de mourir :

幻 法 皆 是 幻
幻 修 皆 是 幻
二 幻 皆 不 即
即 是 除 諸 幻

Les existences illusoires sont des illusions.
Les exercices illusoires sont des illusions.
En ne tombant pas dans ces deux illusions,
On supprime toutes les illusions

Pháp, chính là huyễn pháp,
Tu, đều là huyễn tu.
Biết hai cái đều huyễn,
Mọi huyễn thấy tiêu trừ

TUTA p. 42b.3, traduction en vietnamien par Đồ NamTử :
Huyễn pháp [Illusions] TVLT p. 554.
Voir ci-dessous notice (131), p. 173



LÊ THỊ Ý LAN
(? – 1117)

LE DOUBLE ASPECT DE LA NATURE

色 是 空 空 即 色
空 是 色 色 即 空
色 空 俱 不 管
方 得 契 真 宗

La forme est le vide, et le vide est la forme
Le vide est la forme, et la forme est le vide.
Admettre que la forme et le vide n'ont aucun rapport,
C'est se mettre en accord avec le vrai principe

Sắc là không, không tức sắc,
Không là sắc, sắc tức không.
Sắc không đều chẳng quản,
Mới khế hợp chân tông.

TUTA p. 21b.2, traduction en vietnamien par Hoa Bằng :
Sắc và không [Les formes et le vide] TVLT p. 353
Voir ci-dessous notice (68), p. 153



Lã ĐỊNH HƯƠNG 定香
(? –1051)

LE VIDE

Il dit avant de mourir :

本 來 無 處 所
處 所 是 真 宗
真 宗 如 是 幻
幻 有 即 空 空

Il n'y a pas de lieu en soi.
Le lieu c'est le principe vrai
Mais le principe vrai est ainsi illusoire,
Et l'existence illusoire, c'est le vide sans même l'idée du vide

Vốn xưa không xứ sở,
Xứ sở, ấy chân tông
Chân tông huyền như thế,
'Huyền hữu' cùng 'không không'

TUTA p. 10b.6, traduction en vietnamien par Đoàn Thắng :
Chân và huyền [Réalité et illusion] TVLT p. 238.
Voir ci-dessous notice (26), p. 139.



Vương Hải Thiềm CHÂN KHÔNG 真空
(1046 - 1100)

MAITRISE DE SOI

Il dit avant de mourir :

妙本虛無日日誇
和風吹起遍娑婆
人人儘識無為樂
若得無為始是家

Le vide originel apparaît chaque jour plus merveilleux
Une douce brise se lève sur ce monde de souffrance.
Qui sait vivre en dehors de l'enchaînement des causes est dans la joie.
Accéder à cette libération, c'est trouver une demeure

Hư vô, diệu thể vẫn khoe bày,
Khắp cõi sa bà, gió dịu bay.
Vui nhất vô vi, ai cũng hiểu,
Vô vi, nhà ở chính nơi này.

TUTA p.66a.2, traduction en vietnamien par Nguyễn Huệ Chi :
Câm hoài [Emotion] TVLT p. 304.
Cité par Quách Thanh Tâm.
Voir ci-dessous notice (49), p. 146



Ngô Chân Lưu KHUÔNG VIỆT 匡越
(933 - 1011)

FORCE VITALE

Il dit avant de mourir :

木 中 元 有 火
元 火 復 還 生
若 謂 木 無 火
鑽 燧 何 由 萌

A l'origine, le feu est dans le bois,
Le feu originel renaît sans cesse.
S'il n'y avait pas de feu dans le bois,
Comment pourrait-on en faire jaillir en le frottant ?

Lửa sẵn có trong cây,
Voi đi, chốc lại đây.
Ví cây không sẵn lửa,
Xát lửa, sao bùng ngay ?

TUTA p.9b.2, traduction en vietnamien par Nguyễn Huệ Chi et Phạm Tú Châu :
Nguyên hỏa [Le feu originel] TVLT p. 211.
Voir ci-dessous notice (8), p. 137.



THIÊN LÃO 禪老
(entre 1034 et 1038)

DÉTACHEMENT

Le roi lui demanda :

Vénérable, depuis combien de temps êtes-vous établi sur cette montagne ?

- Il répondit :

但 知 今 日 月
誰 識 舊 春 秋

Je ne connais que le soleil et la lune, ce jour et ce mois
Qui se souvient des printemps et automnes passés ?

Biết thời gian của hôm nay,
Xuân xưa thu cũ, ai hay biết gì.

Le roi reprit : Que faites-vous chaque jour ?

- Il répondit :

翠 竹 黃 花 非 外 境
白 雲 明 月 露 全 真

Bambous verts tendres et chrysanthèmes
Ne sont pas en dehors de nous.
Les nuages blancs et la lune brillante révèlent la vraie réalité

Ngoại cảnh đâu có phải,
Hoa vàng với trúc xanh.
Lộ vẻ chân toàn vẹn,
Ở mây trắng trăng thanh

Que voulez vous dire ?
- Nombreuses paroles seraient inutiles

TUTA p.11a.1, traduction en vietnamien par Phạm Tú Châu :
Ngày tháng [Aujourd'hui] TVLT p. 239-240.
Voir ci-dessous notice (27-28), p. 140.



Lâm Khu HUỆ SINH 惠生
(? – 1063)

LA QUÊTE DES ORIGINES EST VAINES

Il dit avant de mourir :

水 火 日 相 參	自 古 來 參 學
由 來 未 可 談	人 人 指 為 南
報 君 無 處 所	若 人 問 新 事
三 三 又 三 三	事 事 月 初 三

L'eau et le feu se mêlent tous les jours,
On ne peut discuter de leurs origines.
Je vous dis qu'ils sont de nulle part,
Rien de fixé, comme un deux trois, et encore un deux trois*

Depuis longtemps on se met à l'école d'un maître, puis d'un autre
Ils montrent toujours la même direction.
Si on interroge sur une nouvelle chose,
[La réponse est mince] comme le croissant de lune au troisième jour

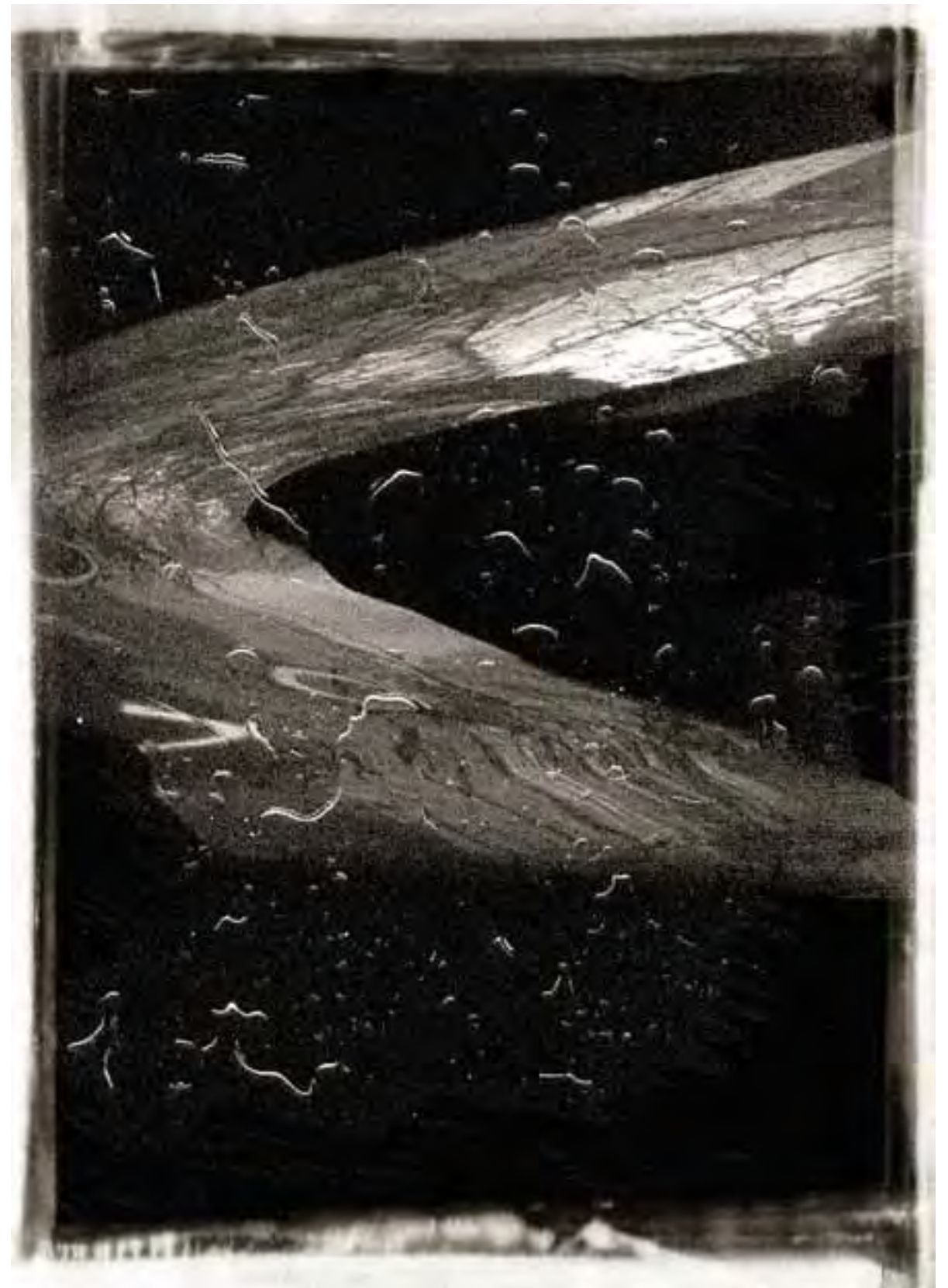
Thủy hỏa ngày ngày tham hợp lại,
Do lai, khó nói cội nguồn đâu.
Chớ lo mãi miết tìm nơi chốn,
Một mối chân như, rất nhiệm màu.

Từ cổ tới nay người học đạo,
Chỉ vì một hướng, khác gì nhau.
Ví bằng việc mới, tìm ta hỏi,
Việc mới, mỏng ba, trắng buổi đầu.

TUTA p. 58b.7, traduction en vietnamien par Trần thị Băng Thanh :
Nước và lửa [Le feu et l'eau] TVLT p. 260.
Voir ci-dessous notice (38-39), p. 142.

* Interprétation suivant le conseil de Ngô Đức Thọ (entretiens)

Lê Mạnh Thát a retrouvé l'origine de l'expression, énigme proposée par les maîtres du bouddhisme de l'Intuition :
« D'abord 3 et 3, et encore 3 et 3 » (LMT, n° 54 p. 280, et note 4 p. 518)



Phạm THƯỜNG CHIẾU 常照
(? – 1203)

LA VOIE DE L'ÉVEIL

Il dit avant de mourir :

道 本 無 顏 色
新 鮮 日 日 誇
大 千 沙 界 外
何 處 不 為 家

La voie de l'Éveil n'a pas d'apparence
[Mais] sa nouveauté est toujours plus charmante.
Étendue jusqu'au delà des limites de ce monde de poussière,
Quel endroit n'est pas sa demeure ?

Đạo vốn không màu sắc
Ngày phô vẻ mới tươi.
Cả hà sa thế giới,
Đâu cũng nhà nó thôi.

TUTA p.38b.8, traduction en vietnamien
par Đào Phương Bình et Nguyễn Đức Vân :
Đạo [La voie] TVLT p. 532.
Voir ci-dessous notice (121), p. 171.



Từ Lộ ĐẠO HÀNH 道行
(? – 1117)

L'EXISTENCE ET LE VIDE

作 有 塵 沙 有
為 空 一 切 空
有 空 如 水 月
勿 著 有 空 空

Existence. Le moindre grain de poussière existe,
Vide. Tout est vide.

Existence et vide, c'est comme la lune dans l'eau,
Ne vous attachez pas à l'existence ni à l'idée du vide.

Có thì có tự mây may,
Không thì cả thế gian này cũng không.
Vùng trăng vắng vạc in sông,
Chắc chi có có, không không mơ màng.

TUTA p. 55a.3, traduction en vietnamien par Huyền Quang au XIV^e siècle,
ou par Nguyễn Trãi au XV^e : Có và không
[Il y a, il n'y a pas] TVLT p. 345.
Cité par Quách Thanh Tâm.
Voir ci-dessous notice (62), p. 150.



Lý Phật Mã THÁI TÔNG 太宗
(1028 - 1054)

LE PRINCIPE DE LA GRANDE SAGESSE

般若真無宗
人空我亦空
過現未來佛
法性本來同

En vérité, la grande sagesse n'a pas de fondement,
L'humanité est illusoire, nous aussi.
Bouddha passé, présent et avenir,
C'est la même nature essentielle.

« Bát nhã » thực vô tông,
Người không, mình cũng không.
Phật trước, nay, sau nữa,
Pháp tính vốn tương đồng.

TUTA p. 19a.4, traduction en vietnamien par Ngô Tất Tố :
Trả lời các vị thiền lão hỏi về yếu chỉ đạo thiền
[Réponse aux vieux moines qui s'interrogent sur le principe de l'intuition bouddhiste].
TVLT p. 242.
Voir ci-dessous notice (29), p. 141.

